



BỘ Y TẾ
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: 49689/2017/ATTP-XNCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2017

XÁC NHẬN CÔNG BỐ PHÙ HỢP QUY ĐỊNH AN TOÀN THỰC PHẨM

Cục An toàn thực phẩm xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm của:

Tên tổ chức, cá nhân: Văn phòng đại diện Abbott Laboratories S.A tại Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 7, tầng 8 tháp A tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 02437337486

Fax: 02437337542

Email: ra.vn@abbott.com

Cho sản phẩm: Thực phẩm dinh dưỡng y học Ensure Gold

Sản phẩm trên thuộc nhóm Thực phẩm dinh dưỡng y học do Abbott Manufacturing Singapore Private Limited; Địa chỉ: 26 Tuas South Avenue 10, Singapore 637437, Singapore sản xuất phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện chế độ kiểm tra và kiểm nghiệm định kỳ theo quy định hiện hành và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố.

Định kỳ 5 năm tổ chức, cá nhân phải thực hiện lại việc đăng ký bản công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Đỗ Hữu Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BỐ PHÙ HỢP QUY ĐỊNH AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: 18/2017/ABB-CBPH

Tên tổ chức, cá nhân: **Văn phòng đại diện Abbott Laboratories S.A tại Hà Nội**

Địa chỉ: Tầng 7, tầng 8 tháp A tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 02437337486

Fax: 02437337542

E-mail: ra.vn@abbott.com

CÔNG BỐ

Sản phẩm: **Thực phẩm dinh dưỡng y học Ensure Gold**

Sản xuất tại: **Abbott Manufacturing Singapore Private Limited**

Địa chỉ: 26 Tuas South Avenue 10, Singapore 637437

Xuất xứ: Singapore

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật/quy định an toàn thực phẩm:

QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm; QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm; QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm; Nghị định số 38/2012/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện chế độ kiểm tra và kiểm nghiệm định kỳ theo quy định hiện hành và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố.

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2017
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Nguyễn Hồng Uy



BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

Sở công thương TP Hà Nội	Thực phẩm dinh dưỡng y học	Số: 18/2017/ABB-TCCS
Văn phòng đại diện Abbott Laboratories S.A tại Hà Nội	Thực phẩm dinh dưỡng y học Ensure Gold	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

Stt	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột mịn, tơi, không vón cục, không lẫn tạp chất lạ
2	Màu sắc	Màu trắng ngà đến vàng nhạt
3	Mùi, vị	Mùi vani đặc trưng, không có mùi vị lạ
4	Các đặc tính khác	

1.2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Mức đáp ứng/ khẩu phần ăn
1	Năng lượng	kcal/100g	388.8- 518.4	Xem phụ lục đính kèm
2	Chất đạm	g/100g	15.6- 20.8	
3	Chất béo	g/100g	12.6- 16.8	
4	Acid α - linolenic (omega 3)	g/100g	0.24- 0.6	
5	Acid Linoleic (omega 6)	g/100g	2.08- 5.2	
6	Acid Oleic (omega 9)	g/100g	6.84- 17.1	
7	Carbohydrat	g/100g	50.78-67.71	
8	Oligofructose (FOS)	g/100g	3.3-8.26	
9	Cholin	mg/100g	108.8-272.0	
10	HMB	g/100g	0.78-1.96	
11	Taurin	mg/100g	34.4-107.5	
12	L-Carnitin	mg/100g	30.4-76.0	
13	Vitamin A (palmitate)	IU/100g	\geq 1200	
14	Vitamin A (β -carotene)	IU/100g	\geq 160	
15	Vitamin D3	IU/100g	\geq 409.6	
16	Vitamin E	IU/100g	\geq 9.44	
17	Vitamin K1	mcg/100g	\geq 26.4	
18	Vitamin C	mg/100g	\geq 43.2	



19	Vitamin B1	mg/100g	≥ 0.64	
20	Vitamin B2	mg/100g	≥ 0.64	
21	Vitamin B6	mg/100g	≥ 0.8	
22	Vitamin B12	mcg/100g	≥ 1.2	
23	Niacin	mg NE/100g	≥ 4.9	
24	Niacin	mg/100g	≥ 2.86	
25	Acid Folic	mcg/100g	≥ 104.0	
26	Biotin	mcg/100g	14.4-36.0	
27	Acid Pantothenic	mg/100g	3.36-8.4	
28	Natri	mg/100g	256- 640	
29	Kali	mg/100g	536-1340	
30	Clo	mg/100g	360-900	
31	Canxi	mg/100g	360-900	
32	Phốt pho	mg/100g	208-520	
33	Magiê	mg/100g	≥ 73.6	
34	Sắt	mg/100g	≥ 3.2	
35	Kẽm	mg/100g	≥ 3.52	
36	Mangan	mg/100g	≥ 1.12	
37	Đồng	mcg/100g	≥ 228	
38	Iốt	mcg/100g	≥ 51.2	
39	Selen	mcg/100g	≥ 17.6	
40	Crôm	mcg/100g	≥ 18.4	
41	Molybden	mcg/100g	≥ 33.6	
42	Lactose	g/100g	1.2-3	

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Enterobacteriaceae	CFU/g	10
2	Staphylococci dương tính với coagulase	CFU/g	10
3	Nội độc tố Staphylococcus	/25g	Không phát hiện
4	L.monocytogenes	CFU/g	100
5	Salmonella	CFU/25g	0

1.4. Hàm lượng kim loại nặng:



Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/kg	0.5
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1.0
3	Chì (Pb)*	mg/l	0.02
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
5	Thiếc (Sn)	mg/kg	250

1.5. Hàm lượng hóa chất không mong muốn

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	mcg/kg	0.5
2	Aflatoxin B1	mcg/kg	0.1
3	Melamine	mg/kg	2.5

<Đư lượng thuốc bảo vệ thực vật phù hợp với Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế. Đư lượng thuốc thú y phù hợp với Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/8/2013 của Bộ Y tế.

* Theo dung dịch pha chuẩn

Hàm lượng các vitamin và khoáng chất không vượt quá ngưỡng dung nạp tối đa quy định tại phụ lục 2 thông tư 43/2014/TT-BYT>.

1.6. Các chỉ tiêu khác:

2. THÀNH PHẦN CẤU TẠO

Tinh bột bắp thủy phân, sucrose, DẦU THỰC VẬT (dầu hướng dương giàu oleic, dầu đậu nành, dầu hạt cải), natri caseinat, đạm đậu nành tinh chế, oligofructose, đạm whey cô đặc, KHOÁNG CHẤT (kali citrat, tricanxi phosphat, magiê sulfat, magiê clorid, kali clorid, natri citrat, dikali hydrophosphat, natri clorid, canxi carbonat, kali hydroxid, sắt sulfat, kẽm sulfat, mangan sulfat, đồng sulfat, crôm clorid, kali iodid, natri molybdat, natri selenat), canxi 3-hydroxy-3-methylbutyrat monohydrat (CaHMB), hương vani tổng hợp, cholin clorid, taurin, L-carnitin, VITAMIN (acid ascorbic, ascorbyl palmitat, vitamin E, hỗn hợp tocopherol, canxi pantothenat, niacinamid, pyridoxin hydroclorid, riboflavin, thiamin hydroclorid, vitamin A palmitat, vitamin D3, acid folic, beta caroten, phylloquinon, biotin, cyanocobalamin).

3. THỜI HẠN SỬ DỤNG:

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất (MFG) và hạn sử dụng (EXP) được in dưới đáy hộp, trên vỏ gói

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN:

Công dụng:

Ensure Gold bổ sung dinh dưỡng đầy đủ và cân đối, vitamin, khoáng chất giúp phục hồi và tăng cường sức khỏe.

Đối tượng:

Ensure Gold thích hợp cho người lớn, người ăn uống kém, người bệnh cần phục hồi



nhanh

Không dùng cho trẻ em trừ khi có hướng dẫn của chuyên gia y tế.

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

CÁCH PHA: Đổ pha 230ml, cho 185ml nước đun sôi để nguội vào ly, vừa từ từ cho vào ly 6 muỗng gạt ngang (muỗng có sẵn trong hộp, mỗi muỗng tương đương 10.1 g) hay 60.6g bột Ensure Gold vừa khuấy đều đến khi bột tan hết. Khi pha theo đúng hướng dẫn, 1ml Ensure Gold cung cấp khoảng 1.14 kcal. Một hộp 400g pha được khoảng 7 ly, hộp 850g bột pha được khoảng 14 ly, mỗi ly 230ml.

LƯỢNG DÙNG:

- Bổ sung chế độ ăn: 2 ly mỗi ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên viên dinh dưỡng

- Thay thế hoàn toàn bữa ăn qua ống thông cho người bệnh: theo hướng dẫn của bác sĩ/ chuyên viên dinh dưỡng.

Khi bắt đầu nuôi ăn qua ống thông, lưu lượng, thể tích và độ pha loãng được điều chỉnh tùy thuộc vào tình trạng và sự dung nạp của người bệnh. Lưu ý đề phòng sự nhiễm khuẩn trong quá trình chuẩn bị và nuôi ăn qua ống thông.

BẢO QUẢN: Bảo quản hộp chưa mở ở nhiệt độ phòng. Hộp đã mở phải được đậy kín và bảo quản ở nơi khô mát nhưng không cho vào tủ lạnh. Khi đã mở phải sử dụng trong vòng 3 tuần. Ensure Gold đã pha phải dùng ngay hay đậy kín cho vào tủ lạnh và dùng trong vòng 24 giờ.

LƯU Ý: Không dùng cho người bệnh Galactosemia. Không dùng qua đường tĩnh mạch. Ensure Gold không chứa Trans Fat (acid béo chuyển đổi). Không chứa Gluten và lactose. Không dùng cho trẻ em trừ khi có hướng dẫn của các chuyên gia y tế.

5. CHẤT LIỆU BAO BÌ VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Chất liệu bao bì:

Hộp thiếc, gói thiếc phù hợp với quy định của Bộ Y Tế về bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Thùng carton

Quy cách đóng gói:

Hộp thiếc 400g, thùng 24 hộp.

Hộp thiếc 850g, thùng 12 hộp.

Hộp thiếc 1.45kg, thùng 6 hộp.

Gói thiếc 60.6g.

6. QUY TRÌNH SẢN XUẤT

Như tài liệu đính kèm

7. CÁC BIỆN PHÁP PHÂN BIỆT THẬT, GIẢ (NẾU CÓ)

Kiểm tra tính nguyên vẹn của bao bì

8. NỘI DUNG GHI NHÃN

Xem phụ lục đính kèm

9. XUẤT XỨ VÀ THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA



Cơ sở sản xuất: Abbott Manufacturing Singapore Private Limited, 26 Tuas South Avenue 10, Singapore 637437

Nhập khẩu và phân phối bởi: Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A (Việt Nam), Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Cơ sở công bố tiêu chuẩn và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm:

Văn phòng Đại diện Abbott Laboratories S.A tại Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 8 tháp A Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: 84-24-37337486

Fax: 84-24-37337542

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2017
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Nguyễn Hồng Uy

**Mức đáp ứng nhu cầu hàng ngày các vitamin và khoáng chất
Sản phẩm Ensure Gold**

Tên	Đơn vị tính	Số lượng/ 60.6 g (1 ly pha chuẩn)	Mức đáp ứng RNI/ 60.6 g bột (1 ly pha chuẩn)		Số lượng/ 121.2 g (2 ly pha chuẩn)		Mức đáp ứng RNI/ 121.2 g bột (2 ly pha chuẩn)	
			(nam 19-60 tuổi)	(nam 19-60 tuổi)	(nam 19-60 tuổi)	(nam 19-60 tuổi)		
Vitamin A	IU	909.00	45.45%	1818.00	90.90%			
Vitamin D3	IU	310.27	77.57%	620.54	155.14%			
Vitamin E	IU	7.15	39.73%	14.30	79.45%			
Vitamin K1	mcg	20.00	33.89%	40.00	67.79%			
Vitamin C	mg	32.72	46.75%	65.45	93.50%			
Acid Folic	mcg	78.78	33.48%	157.56	66.96%			
Vitamin B1	mg	0.48	40.40%	0.97	80.80%			
Vitamin B2	mg	0.48	37.29%	0.97	74.58%			
Vitamin B6	mg	0.61	35.65%	1.21	71.29%			
Vitamin B12	mcg	0.91	37.88%	1.82	75.75%			
Niacin	mg NE	3.71	23.22%	7.43	46.43%			
Canxi	mg	272.70	27.27%	545.40	54.54%			
Phot pho	mg	157.56	22.51%	315.12	45.02%			
Magiê	mg	55.75	27.20%	111.50	54.39%			
Sắt	mg	2.42	13.25%	4.85	26.49%			
Kẽm	mg	2.67	38.09%	5.33	76.18%			
Iốt	mcg	38.78	25.86%	77.57	51.71%			
Selen	mcg	13.33	39.21%	26.66	78.42%			





ENSURE GOLD - CÔNG THỨC DINH DƯỠNG ĐƯỢC CHỨNG MINH LÂM SÀNG GIÚP TĂNG CƯỜNG SỨC KHỎE, THỂ CHẤT VÀ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG.

Với hơn 30 nghiên cứu lâm sàng trong suốt 45 năm, **Ensure Gold** là dinh dưỡng đầy đủ và cân đối; được chứng minh giúp đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho người lớn tuổi, hỗ trợ tăng cường sức khỏe, thể chất và chất lượng cuộc sống.

Theo FDA và luật công đồng châu Âu 1999/21/EC

- HMB (β-hydroxy-β-methylbutyrat) và protein chất lượng cao** hỗ trợ xây dựng và phát triển khối cơ.
- 28 Vitamin & khoáng chất thiết yếu** giúp cơ thể khỏe mạnh. **Giàu canxi, phospho và vitamin D** giúp xương chắc khỏe.
- Chất xơ FOS** nuôi dưỡng vi sinh vật có lợi và giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh.
- Các chất chống oxi hóa (beta caroten, vitamin C, E, kẽm và selen) giúp bảo vệ cơ thể.
- Hỗn hợp chất béo thực vật giàu acid béo Omega 3-6-9 tốt cho tim mạch. Hàm lượng acid béo no và cholesterol thấp có lợi cho chế độ ăn lành mạnh.

Công dụng: Ensure Gold bổ sung dinh dưỡng đầy đủ và cân đối, vitamin, khoáng chất giúp phục hồi và tăng cường sức khỏe.

Đối tượng sử dụng: Người lớn, người ăn uống kém, người bệnh cần phục hồi nhanh.

Chú ý: Sử dụng Ensure Gold dưới sự giám sát của bác sĩ hoặc chuyên gia dinh dưỡng, cần theo đúng các hướng dẫn.

- Ensure Gold**
- Không chứa Trans Fat (acid béo chuyển đổi)
 - Không chứa gluten và Lactose
 - Không dùng cho người bệnh Galactosemia
 - Không dùng qua đường tĩnh mạch
 - Không dùng cho trẻ em trừ khi có hướng dẫn của chuyên gia y tế
 - Sử dụng cho người bệnh với sự giám sát của nhân viên y tế

Bảo quản: Bảo quản hộp chưa mở ở nhiệt độ phòng. Hộp đã mở phải được đậy kín và bảo quản ở nơi khô mát, nhưng không cho vào tủ lạnh. Khi đã mở phải sử dụng trong vòng 3 tuần. Ensure Gold đã pha phải dùng ngay hay đậy kín cho vào tủ lạnh và dùng trong vòng 24 giờ.

Dùng nuôi ăn qua ống thông: Theo hướng dẫn của bác sĩ/ chuyên gia dinh dưỡng. Khi bắt đầu nuôi ăn qua ống thông, lưu lượng, thể tích và độ pha loãng được điều chỉnh tùy thuộc vào tình trạng và sự dung nạp của người bệnh. Lưu ý để phòng sự nhiễm khuẩn trong quá trình chuẩn bị và nuôi ăn qua ống thông.

Ngày sản xuất (MFG) và hạn sử dụng (EXP) xem ở đáy hộp.

Hướng dẫn sử dụng: Để pha 230 ml, cho 185 ml nước chín nguội vào ly, vữa từ từ cho vào 6 muỗng gạt ngang (muỗng có sẵn trong hộp, mỗi muỗng tương đương 10,1 g) hay 60,6 g bột Ensure Gold vừa khuấy đều cho đến khi bột tan hết.
Bổ sung chế độ ăn: 2 ly/ ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên viên dinh dưỡng.
Thay thế hoàn toàn bữa ăn qua ống thông cho người bệnh: Theo hướng dẫn của bác sĩ hoặc chuyên viên dinh dưỡng.



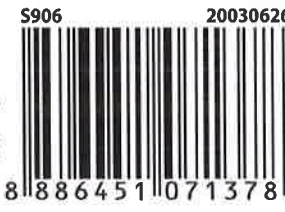
Khi pha theo đúng hướng dẫn, 1 ml Ensure Gold cung cấp khoảng 1,14 kcal. Hộp 400 g bột có thể pha được khoảng 7 ly, mỗi ly 230 ml.

Sản xuất tại Xinh-ga-po bởi: Abbott Manufacturing Singapore Private Limited
26 Tuas South Avenue 10, Singapore 637437
A subsidiary of **Abbott Laboratories**, North Chicago, IL 60064, USA

Chịu trách nhiệm về sản phẩm:
VPĐD Abbott Laboratories S.A., Tầng 7-8, tháp A, toà nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Nhập khẩu & phân phối: Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A (Việt Nam)
Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

S6 XNCB: 49689/2017/ATTP-XNCB



được Bác sĩ HOA KỲ khuyến dùng



DINH DƯỠNG ĐẦY ĐỦ VÀ CÂN ĐỐI

Ensure Gold

MỚI với HMB

- ĐAM CHẤT LƯỢNG CAO + HMB TĂNG CƯỜNG SỨC KHỎE CƠ
- 28 VITAMIN & KHOÁNG CHẤT
- OMEGA 3-6-9 TỐT CHO HỆ TIM MẠCH

HƯƠNG VANI

Thực phẩm dinh dưỡng y học
Khối lượng tịnh
e 400 g NET

1 ly 230 ml cung cấp 262 kcal
khi pha đúng hướng dẫn



Thành phần: Tinh bột bắp thủy phân, **DẦU THỰC VẬT** (dầu hướng dương giàu oleic, dầu đậu nành, dầu hạt cải), sucrose, natri caseinat, đậm đặc nành tinh chế, oligofructose, đậm whey cô đặc, **KHOÁNG CHẤT** (kali citrat, tricanxi phosphat, magiê sulfat, magiê clorid, kali clorid, natri citrat, dikali hydrophosphat, natri clorid, canxi carbonat, kali hydroxid, sắt sulfat, kẽm sulfat, mangan sulfat, đồng sulfat, crom clorid, kali iodid, natri molybdat, natri selenat), canxi β-hydroxy-β-methylbutyrat monohydrat (CaHMB), hương vani tổng hợp, cholin clorid, **VITAMIN** (acid ascorbic, ascorbyl palmitat, vitamin E, hỗn hợp tocopherol, canxi pantothenat, niacinamid, pyridoxin hydroclorid, riboflavin, thiamin hydroclorid, vitamin A palmitat, acid folic, beta caroten, phyloquinon, biotin, vitamin D₃, cyanocobalamin), taurin, l-carnitin.

PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN	Đơn vị	Bột 100 g	Pha chuẩn 100 ml (*)	Mức đáp ứng RNV 60,6 g bột (**)
Năng lượng	kcal	432	114	-
Chất đạm	g	17,33	4,57	-
Chất béo	g	14,00	3,69	-
Acid α-linolenic (omega 3)	g	0,30	0,08	-
Acid Linoleic (omega 6)	g	2,60	0,69	-
Acid Oleic (omega 9)	g	8,55	2,25	-
Carbohydrat	g	56,42	14,87	-
Oligofructose (FOS)	g	4,13	1,09	-
Cholin	mg	136,0	35,8	-
CaHMB	g	1,22	0,32	-
HMB	g	0,98	0,26	-
Taurin	mg	43,0	11,3	-
L-carnitin	mg	38,0	10,0	-
VITAMIN				
Vitamin A (palmitat)	IU	1.500	395	45,45%
Vitamin A (β-caroten)	IU	200	53	-
Vitamin D ₃	IU	512	135	77,57%
Vitamin E	IU	11,8	3,1	39,73%
Vitamin K ₁	mcg	33,0	8,7	33,89%
Vitamin C	mg	54,0	14,3	46,75%
Vitamin B ₁	mg	0,80	0,21	40,40%
Vitamin B ₂	mg	0,80	0,21	37,29%
Vitamin B ₆	mcg	1,00	0,27	35,65%
Vitamin B ₁₂	mcg	1,50	0,40	37,88%
Niacin	mg NE	6,13	1,61	23,22%
Acid Folic	mcg	130	34	33,48%
Biotin	mcg	18,0	4,7	-
Acid Pantothenic	mg	4,20	1,11	-
KHOÁNG CHẤT				
Natri	mg	320	84	-
Kali	mg	670	177	-
Clô	mg	450	119	-
Canxi	mg	450	119	27,27%
Phốt pho	mg	260	69	22,51%
Magiê	mg	92,0	24,3	27,20%
Sắt	mg	4,00	1,05	13,25%
Kẽm	mg	4,40	1,16	38,09%
Mangan	mg	1,40	0,37	-
Đồng	mcg	285	75	-
I-ốt	mcg	64,0	16,9	25,86%
Selen	mcg	22,0	5,8	39,21%
Crom	mcg	23,0	6,0	-
Molybden	mcg	47,0	11,1	-

(*) Cách pha chuẩn Ensure Gold: 263,6 g bột pha trong nước để được 1 lít Ensure Gold. Cách pha 1 ly chuẩn Ensure Gold 230 ml: 6 muỗng bột (tương đương 60,6 g) pha trong 185 ml nước.
(**) Đối với nam giới 19 - 60 tuổi.
% RNI cho nữ giới và các lứa tuổi khác, xem tại www.ensure.com.vn © 2018 Abbott
Hoặc truy cập: <https://www.facebook.com/ensuregoldvietnam>